

Số: **973/2021/QĐST-HNGĐ**

Đống Đa, ngày 27 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 945/2021/HNGĐ – ST ngày 15 tháng 12 năm 2021, giữa những người yêu cầu:

- **Ông NKL**, sinh năm 1966

Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: 4+6 ngõ 16 phố Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

- **Bà TTHP**, sinh năm 1966

Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: 4+6 ngõ 16 phố Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 36 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17/12/2021 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 945/2021/HNGĐ – ST ngày 15 tháng 12 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 12 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Ông NKL và bà TTHP.

2. **Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông NKL và bà TTHP kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Vinh, huyện Ân Thi, Tỉnh Hưng Yên ngày 15/9/1986. Trước khi kết hôn chưa ai có vợ có chồng.

Nay ông **NKL** và bà **TTHP** cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án công nhận ông bà thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Ông **NKL** và bà **TTHP** có 02 (hai) con chung là anh Ngô Trần Khánh (giới tính nam), sinh ngày 22/05/1988 và chị Ngô Trần Khánh Vân (giới tính nữ), sinh ngày 04/9/1992. Ly hôn, các con chung của ông bà đều đã đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) muốn ở với ai là tùy ở anh chị. Ông Luận và bà Phương không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung và nhà ở chung** (động sản và bất động sản): Ông **NKL** và bà **TTHP** đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ:** Ông Ngô Khánh Luận và bà **TTHP** xác nhận ông bà không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về lệ phí:** Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông Ngô Khánh Luận và bà **TTHP** để ông Luận tự nguyện nộp cả 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng ông Luận đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0069483 ngày 15/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Đống Đa;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

NBH